CÁCH BIỂU ĐẠT THÌ IMPARFAIT CỦA TIẾNG PHÁP TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Hoàng Trung
Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn
(Bài nhận ngày 03/04/2000)

TÓM TẮT : *Những khó khăn gặp phải khi chuyển dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt và ngược lại đều phát xuất từ sự không tương đồng về cách biểu đạt ý nghĩa thời gian và ý nghĩa về thời và thể giữa hai ngôn ngữ. Tiếng Pháp là một ngôn ngữ mà phạm trù thể nhiều khi bị phạm trù thì che lấp, trong khi đó tiếng Việt là ngôn ngữ mà ý nghĩa về thể của vị từ là ý nghĩa chủ đạo chứ không phải là thì.Vì vậy, khi chuyển dịch một hình thức vị từ (động từ) từ Pháp sang Việt người ta cần phải tìm ra sự tương đồng về giá trị thể (valeurs aspectuelles) giữa hai ngôn ngữ.*

Trong giới hạn của bài này, người viết chỉ đề cập đến cách chuyển dịch sang tiếng Việt hoặc dạy cho người Việt học tiếng Pháp thì quá khứ chưa hoàn thành –imparfait của tiếng Pháp có đối chiếu với tiếng Việt. Bài viết được thực hiện dựa trên việc đối chiếu thì imparfait sử dụng trong các câu trích từ nguyên tác và cách thể hiện của nó trong các bản dịch tiếng Việt. Ở phần đầu, người viết muốn đề cập đến vấn đề ***thể*** *vì thì imparfait có giá trị về thể (valeurs aspectuelles) rõ ràng hơn giá trị thì (valeurs temporelles). Từ đó có thể giúp cho người học hiểu rõ hơn bản chất của imparfait hoặc có cơ sở để dịch thì này sang tiếng Việt.*

I. KHÁI NIỆM VỀ THỂ

Thể cần được định nghĩa ở hai cấp độ.

1. Thể từ vựng và loại sự tình

Bất kỳ động từ nào cũng liên quan đến một sự tình. Sự tình được phân thành hai loại:

-trạng thái hay sự tình tĩnh: trạng thái là một sự tình không được xét đến như một sự tiến triển và người ta không thể đặt nó trong một khung thời gian xác định sự bắt đầu cũng như sự kết thúc của nó. Ví dụ như *être, avoir, contenir, appartenir à...*

-hành động hay sự tình động: sự tình được phân tách thành những giai đoạn như khởi đầu, liên tiến và kết thúc. Ví dụ như *peindre, briser, vieillir, écrire...*

Thức liên tiến của một sự tình có thể là thành phần nghĩa của bản thân động từ và người ta gọi đó là thể từ vựng (aspect lexical). Ví dụ :

tenir (cầm), dormir (ngủ),... là những sự tình có tính liên tiến (duratif).

prendre (lấy), jeter (ném), ... là những sự tình có tính điểm (ponctuel).

s' endormir (bắt đầu ngủ) là sự tình có tính điểm và biểu thị sự khởi đầu (ponctuel et inchoatif).

2. Thể ngữ pháp

Thể có thể được biểu đạt bằng những phương tiện ngữ pháp, những phương tiện ngữ pháp này thay đổi theo từng ngôn ngữ.

Ví dụ:

trong tiếng Pháp: passé simple (quá khứ đơn) / imparfait (quá khứ chưa hoàn thành).

trong tiếng Anh: prétérit / present perfect, ...vv

trong tiếng Việt: đang / rồi.

Thể ngữ pháp biểu thị cách thức xem xét một sự tình của người phát ngôn. Cùng một sự tình có thể được biểu thị bằng nhiều cách thức khác nhau:

- sự tình được xem xét trong quá trình liên tiến của nó:

Elle chante très bien ce soir. / Tối nay cô ấy hát rất hay.

- sự tình được xem xét trong toàn bộ quá trình của nó.

Elle a chanté au concert la nuit dernière. / Tối qua cô ấy hát trong buổi hoà nhạc.

- sự tình được xem như đã hoàn tất và được đánh dấu trong tương quan với thời điểm phát ngôn.

Je crois qu' elle a chanté cette chanson –là avant. /Tôi tin rằng trước đây cô ấy đã hát bài này.

3. Mối liện hệ giữa thể từ vựng và thể ngữ pháp

Rõ ràng là việc chọn lựa thể ngữ pháp phải tương thích với thể từ vựng của động từ. Như vậy, một động từ có tính liên tiến thì sẽ có khả năng được xem xét trong quá trình liên tiến hơn là một động từ có tính chất điểm hay tính khởi phát. Giữa động từ chỉ trạng thái và động từ chỉ hành động cũng có những khác biệt về thể trên bình diện ngữ pháp, nhưng cần lưu ý sự khác biệt này đôi lúc không minh bạch. Một động từ có thể vừa chỉ trạng thái cũng có thể vừa chỉ hành động tuỳ thuộc vào ngữ cảnh hoặc chu cảnh giao tiếp và những công cụ ngữ pháp cũng như từ vựng phụ trợ cho động từ:

John is stupid : John est idiot, John is being stupid: John fait l' idiot.

4. Những yếu tố khác liên quan đến thể

. Sự lựa chọn thể của người phát ngôn phụ thuộc phần lớn vào loại sự tình mà anh ta đang đề cập đến. Tuy nhiên, cũng cần phải chú ý đến những đặc trưng của các yếu tố ràng buộc với động từ, những đặc trưng cho phép ta biết rõ loại của sự tình được nói đến. Việc xác định những đặc trưng sau của sự tình cũng đặc biệt quan trọng: động / không

động, xác định / không xác định ...vv. Những đặc trưng này là những tiêu chí để chọn lựa trong một vài trường hợp giữa sự tình tĩnh và sự tình động.

. Thể ngữ pháp hay thể từ vựng chỉ là một trong những dấu chỉ cách thức mà người phát ngôn sử dụng để xem xét một sự tình. Vì vậy, cần lưu ý đến những phó từ và những bổ từ mà chức năng của chúng có thể dùng hoặc để nhấn mạnh thể của động từ:

Demain, elle sera ***déjà*** *partie./ Ngày mai cô ấy* ***đã*** *đi* ***rồi****.*

hoặc tạo ra giá trị thể cho phát ngôn vì bản thân động từ không cho phép làm sáng tỏ:

Il a joué au tennis ***la samedi dernière****.* (sự tình duy nhất)

Thứ bảy tuần trước *anh ta chơi tennis.*

L' année dernière, il jouait au tennis ***tous les samedis****. (sự lặp đi lặp lại)*

Năm trước thứ bảy nào anh ta cũng chơi tennis.

Trong các ngôn ngữ Đông Nam Á trong đó có tiếng Việt thì thể là một phạm trù ngữ pháp chủ đạo của vị từ. Những khái niệm như sự tình hoàn thành, thay đổi trạng thái, sự khởi đầu hoặc sự tình kéo dài quan trọng hơn là những khái niệm thì như hiện tại, quá khứ và tương lai. Chính vì vậy, khi chuyển dịch từ các ngôn ngữ Ấn-Âu sang các ngôn ngữ Đông Nam Á như tiếng Việt chẳng hạn thì cần khai thác sự tương đồng về ý nghĩa thể giữa hai ngôn ngữ.

II- DỊCH THÌ IMPARFAIT SANG TIẾNG VIỆT

Thì quá khứ chưa hoàn thành (imparfait) trong tiếng Pháp có thể được xác định như một thể mở (un aspect ouvert): góc độ phát ngôn được dịch chuyển vào trong quá khứ và sự tình được xem xét từ bên trong. Tùy loại sự tình mà imparfait có thể mô tả hoặc những phân đoạn trong quá trình liên tiến của sự tình (động từ chỉ hoạt động) hoặc sự tồn tại của một trạng huống trong một chu cảnh quá khứ (động từ chỉ trạng thái) hoặc một tính chất phát xuất từ những sự kiện khác (động từ chỉ trạng thái hoặc hoạt động). Vì vậy việc dạy hoặc dịch thì imparfait sẽ tùy thuộc vào loại sự tình và vào cách thức xem xét sự tình.

1. Tóm lược những cách biểu đạt khác nhau của imparfait trong tiếng Việt

Tiếng Pháp	Tiếng Việt	
1. ... *Les primevères jaunes commencaient à se montrer.*	*... Những bông hoa ngọc trâm màu vàng đã bắt đầu hé nở.*	**đã**
2. *Et la baronne souriait maintenant, heureuse, avec deux larmes restées en route sur ses joues, mais dont la trainée humide était déjà séchée.* (G. de Maupassant, *Une vie, p.123)*	*(Bản dịch của Tuấn Đô)* *Lúc này bà nam tước đã bắt đầu tươi cười, vẻ sung sướng lộ ra rõ rệt. Hai giọt lệ còn ngưng đọng trên má, nhưng hai vệt nước mắt thì đã khô.* *(Bản dịch của Mai Xuân, tr.164)*	
3. *..et Jeanne accomplissait la période de sa grossess douloureuse.* (G.de.Maupassant, *Une vie.P.124)*	*...và Jan đang ở vào những ngày cuối cùng thời kỳ thai ghén đau đớn.* *(bản dịch của Mai Xuân, tr.165)*	**đang**
4. *..mais dans l' herbe humide des fossés, où pourrissaient les feuilles de l' automne...* (Stendhal. *Le Rouge et Le Noir*	*...nhưng trong trong đám cỏ ẩm ướt dưới các hố đất, nơi đang mục rữa lá cây rụng từ mùa thu...* *(Bản dịch của Tuấn Đô)*	
5. *Je l' attendais depuis trois heures.*	*Lúc ấy tôi đã chờ cô ta 3 giờ đồng hồ rồi.*	**đã...rồi**
6. *Sans lui, elle se noyait.*	*Không có anh ta thì chắc hẳn cô ta đã chết đuối rồi.*	
7. *Le baron, .., courait de tous côtés, apportait des objets, consultait le médecin.* (G.de.Maupassant,*Une vie.P.127)*	*Ông nam tước, .., chạy hết chỗ này đến chỗ khác, lúc đưa vật này lúc đưa vật nọ, lúc hỏi thầy thuốc về việc này lúc hỏi về việc khác.* *(Bản dịch của Mai Xuân, tr,169)*	**dạng láy**
8. *Julien marchait de long en large, la mine affairée...* (G.de.Maupassant,*Une vie.)*	*Juy-liêng ra vẻ bận rộn, đi đi lại lại...* *(Bản dịch của Mai Xuân)*	
9. *..et maintenant il était assis au milieu de cette salle à manger misérable. Oui, il avait peur. Il savait que dans le faubourg même une dizaine malades l' attendraient...* (Abert Camus. *La Peste)*	*...và giờ đây ông ngồi giữa cái phòng ăn tồi tàn này. Đúng, ông sợ. Ông biết rằng sáng mai trong xóm ngoại ô này, một chục người bệnh sẽ chờ ông...* *(bản dịch của Phan Trọng Định)*	**ϕ**
10. *Elle passait ses journées à courir avec ses enfants dans le verger, et à faire la chasse aux papillons.* (Stendhal. *Le Rouge et Le Noir)*	*Bà chỉ suốt ngày chạy chơi với lũ trẻ trong vườn quả và đuổi bắt bươm bướm.* *(Bản dịch của Tuấn Đô)*	
11. *Elle devait vous aider.* (M.Grevisse. *Le Bon usage)*	*Đáng nhẽ cô ta phải giúp anh chứ.* *Cô ta giúp anh mới phải chứ!* *.(người viết dịch)*	
12. *Autrefois, il venait me voir.*	*Ngày trước anh ta thường hay đến thăm tôi.*	**thường**
13. *Pendant les vacances, ma mère faisait toujours des tartes aux pommes.*	*Vào dịp hè, mẹ tôi thường làm bánh tạc nhân táo.* *(người viết dịch)*	

2. Imparfait = đã

Sự tương đồng này chỉ có thể trong một số trường hợp được đánh dấu bằng đặc điểm sau:

- Sự tình ở imparfait phải là sự tình động (type processus) chứ không phải là sự tình tĩnh (type état) và về phương diện thể thì những động từ trong những ví dụ ở phần này đều mô tả những sự tình điểm (ponctualité) nhưng lặp đi lặp lại (itératif) của một hành động ở (1), (2) và tính khởi phát (inchoation) của một trạng thái mang tính hệ quả (état résultant) ở (3),(4),(5).

Ở (1), về phương diện thể thì sự khởi đầu (inchoation) được đánh dấu bằng chính động từ *commencer* và sự lặp lại của một quá trình mới bắt đầu (se montrer). Ở đây cũng cần lưu ý đến đặc điểm của chủ từ: số nhiều (pluriel), bất động vật (inanimé) vì những đặc điểm này cũng là cơ sở quan trọng để hiểu rõ imparfait trong những trường hợp như thế này. Còn ở (3), (4), (5) thì những sự tình ở imparfait đều là hệ quả của những sự tình hay trạng huống có tính quy chiếu trước đó hoặc bằng sự có mặt của phó từ (*...lui était revenue, si cruellement...*). Riêng ở (2) và (5) tính khởi phát của sự tình không được đánh dấu, nhưng ở tiếng Việt nó được đánh dấu bằng phương tện từ vựng (*bắt đầu)*

3. Imparfait = đang

Qua những ví dụ trên và đối chiếu với các câu được dịch sang tiếng Việt ta thấy có những điểm chú ý sau đây:

- trong ví dụ (6) và (7) ở các động từ được sử dụng **trembler / run lên, chercher/ tìm (cách)** có sự tương đồng về thể: sự tình lặp đi lặp lại (itératif) ở (6) hoặc sự tình liên tiến (duratif) ở (6), (7).

- trong những ví dụ tiếp theo sau đó, các động từ ở imparfait đều biểu đạt một quá trình đang tiến dần về điểm kết của nó. Riêng ở (10) , ta nhận thấy sự chuyển đổi từ sự tình động (processus) sang sự tình tĩnh (état): *accomplir* (động) sang *ở* (tĩnh).

4. Imparfait = (đã).... Rồi

Imparfait được chuyển dịch tương đương với tổ hợp *đã..rồi* khi nó được sử dụng kết hợp với một quán ngữ (locution adverbiale) biểu thị một quá trình mà điểm kết của quá trình ấy không được đề cập hay xét đến hay nói cách khác là những sự tình này chưa hoàn thành ở thời điểm phát ngôn:

*Je **ruisselais depuis une heure** au moins mais je n' avais rien senti.*

(J.P. Sartre, Le Mur, p.19-20)

*Người tôi sũng nước cả **tiếng đồng hồ rồi** là ít nhưng tôi có cảm thấy hề hấn gì đâu.*

(người viết dịch)

Về phương diện thể của từ vựng thì động từ được chia ở imparfait phải mô tả một sự tình động hay tĩnh kéo dài (procès duratif) hoặc một sự tình mang tính điểm (procès

ponctuel) nhưng sự kết thúc của nó trước thời điểm quy chiếu (*quand je l' ai appelé*) đưa đến một trạng thái mang tính hệ quả (état résultant):

L' année dernière, quand je l' ai appelé, il ***était mort.***

Năm ngoái khi tôi gọi điện tìm thì anh ta ***đã mất rồi.***

(người viết)

Ở ví dụ (13) và (14), imparfait biểu đạt một sự tình được xem là hệ quả tất yếu của một sự tình khác. Sự tình tác nhân này chưa hoàn thành và sự tình hệ quả được thể hiện bằng imparfait cũng chưa hoàn thành. Trong cách sử dụng này, imparfait có giá trị của một thì tương lai trong qua khứ

(futur du passé) và nó thay thế cho conditionnel passé để thể hiện một sự chắc chắn.

5. Imparfait = Dạng láy

Ở cách chuyển dịch này, sự tình được thể hiện bằng imparfait phải là sự tình động và chưa hoàn thành ở thời điểm phát ngôn. Imparfait được dùng ở đây mô tả tính chất liên tục của sự tình. Ở cặp đối ứng này, ta nhận thấy có sự tương đồng về thể. Dạng láy động từ trong tiếng Việt cũng diễn tả tính chất liên tục của hành động hoặc cường độ của hành động. Đây là cặp đối ứng rất thú vị và một lần nữa, qua nó ta thấy được sự khác biệt rõ ràng giữa hai ngôn ngữ về hình thức diễn đạt tính chất, cách thức của một sự tình.

6. Imparfait = 0

Tất cả các sự tình được mô tả bằng imparfait trong trường hợp này đều chưa hoàn thành và mang tính liên tiến. Imparfait trong trường hợp này được dùng để kể chuyện hoặc miêu tả (valeurs narrtive et descriptive) những sự tình đang diễn ra ở thời điểm phát ngôn và chỉ cần một khung đề để định vị thời gian.

C' était en 1926*.[...]. Là j'* ***apprenais*** *le métier.[...]. je* ***subissais*** *le noviciat que les jeunes y* ***subissaient*** *avant d' avoir l' honneur de piloter la poste.*

(A.de Saint-Exupéry, *Terre des hommes)*

Thuở ấy vào năm 1926.[...] tôi được tuyển dụng ở đó.[...] .Cũng như mọi đồng nghiệp khác, tôi cũng phải qua những đợt thử thách dành cho những phi công tập sự trước lúc nhận cái vinh dư lái những chuyến chở thư tín.

(Dịch giả: Bùi Giáng)

Hoặc khi imparfait mô tả một sự tình lẽ ra phải xảy ra ở một thời điểm xác định trong qua khứ nhưng sự tình đó đã không diễn ra hoặc chưa hoàn thành. Để diễn đạt giá trị này, tiếng Việt phải nhờ đến phương tiện từ vựng như *đáng ra, lẽ ra, đáng lẽ.*

Il ***fallait*** *me faire part de vos projets.*

Đáng ra *anh phải cho tôi biết những dự định của anh chứ.*

7. Imparfait trong mệnh đề liên hệ (l' imparfait dans les relatives)

Các mệnh đề liên hệ định vị một sự tình liên tiến trong mối tương quan với một tiền ngữ (antécédent) có những đặc trưng cần thiết để làm tác nhân của sự tình đó:

*Jon sentit l' étrange regard **qui l' entourait**... un regard sombre et puissant **qui couvrait** la terre... Il écouta le bruit du vent **qui glissait** sur les roches lisses.*

(J.M.G. Le Clézio, *Mondo et autres histoires*)

*Jon bất chợt cảm thấy cái ánh mắt kỳ lạ ấy **ở quanh đây**...Cái ánh mắt tăm tối và ma lực ấy **đang trùm phủ** cả mặt đất... Anh ta nghe thấy tiếng gió **đang buông theo** những tảng đá phẳng lì. (người viếtdịch).*

Imparfait đầu tiên có thể được dịch bằng một giới ngữ (*ở quanh đây*) trong tiếng Việt. Như vậy, yếu tố "tác nhân" cũng như tính liên tiến của sự tình dường như không được đánh dấu và ta chỉ nhận thấy giá trị định vị không gian của imparfait trong trường hợp này. Ở hai trường hợp sau thì quan hệ giữa tác nhân và sự tình có thể rõ ràng hơn và chúng có thể được chuyển dịch bằng **đang +động từ** ở tiếng Việt. Mối quan hệ này rất thường gặp trong những câu chuyện mang tính mô tả (les récits de type descriptif).

8. Imparfait và phi thực tại hóa (imparfait et désactualisation)

Trong nhiều trường hợp mà giữa các thì quá khứ và sự quy kết đến một sự tình đã diễn ra không có sự tương thích thì chính imparfait sẽ được sử dụng để đánh dấu sự phi thực tại.

Với cách sử dụng như thế, imparfait sẽ tương ứng với một số từ công cụ chỉ quan hệ điều kiện- giả thuyết trong tiếng Việt. Chẳng hạn: *... mà ...thì; phải chi; giá (giá mà, giá như); lỡ (nhỡ)* ...vv:

*Et s' il **venait** en notre absence ? Comment entrerait-il ?*

***Nhỡ** anh ấy đến khi chúng ta vắng nhà thì anh ấy vào nhà bằng cách nào?*

*Ah! Si j' **avais** dix ans de moins ! = **Giá** như tôi trẻ hơn 10 tuổi !*

*S' il pouvait revenir sain et sauf! = **Mong sao** anh ấy trở về bình an!*

*Si nous **étions** riches, nous aurions une petite maison près de la mer.*

*Chúng tôi **mà** giàu **thì** đã tậu một căn nhà nhỏ gần biển rồi.*

Khi một sự tình hiện tại mà có vẻ như người phát ngôn không muốn quá sỗ sàng. quá thẳng thì anh ta liền dùng imparfait để tạo ra sự lịch sự trong phát ngôn của mình:

*Écoute, Caroline ! Avant que tu me quittes, je **voulais** te dire quelque chose.*
(F.Mauriac, *Le Feu sur la terre. P.162*)

*Caroline này, trước khi em đi, anh **muốn** nói với em vài điều.*

(*người viết dịch*)

Qua việc khảo sát thì quá khứ chưa hoàn thành của tiếng Pháp và những cách biểu đạt của nó ở tiếng Việt, chúng ta nhận thấy cách biểu đạt ý nghĩa thời gian giữa tiếng Pháp và tiếng Việt là hoàn toàn khác biệt, không thể tìm được sự tương đồng trong phạm trù thì giữa chúng. Từ đó, để dịch hoặc dạy imparfait, chúng ta cần tìm trong bản chất của imparfait những nét tương đồng với cách biểu đạt ý nghĩa thời gian ở tiếng Việt. Những nét tương đồng ấy chính là cách biểu đạt ý nghĩa thời gian thông qua thể và đây chính là tiêu chí để có thể đối chiếu các thì khác của tiếng Pháp như passé composé, passé simple, futur antérieur...vv với những đối ứng của nó ở tiếng Việt. Qua đây, người viết mong được đóng góp một phần nhỏ bé trong việc làm rõ thêm những cách biểu đạt các ý nghĩa thời gian trong tiếng Việt, để rồi từ đây có thể tiến hành nghiên cứu một cách đầy đủ hơn những cách biểu đạt khác về ý nghĩa thời gian trong tiếng Việt trong mối tương quan với những ngôn ngữ có thì như tiếng Anh, tiếng Pháp...vv và rồi phần nào đó có thể thấy được sự biến đổi ngôn ngữ (language change) trong tiếng Việt dưới tác động của quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, có thể đang diễn ra với tốc độ của những hoạt động kinh tế, của những trao đổi công nghệ...vv

TRANSLATIONS OF IMPARFAIT IN VIETNAMESE LANGUAGE

Nguyen Hoang Trung

ABSTRACT : *One of the most difficult problems in translation from French – a language in which the form of a verb phrase is mainly attached to what is called tenses, of course, in addition to this, the aspect is said to play a fairly important role in characterizing an action, a state ..ete – to Vietnamese – one of the southeast Asian languages, in that the role of tenses of a verb phrase might be completely hidden by function words which interpret the characteristic of an action, an event or a state, more generally, from the aspectual point of view. Therefore, it is very necessary to find out aspectual equivalences in characterizing the verb phrase between two languages when we translate a verb phrase from phrase from French to Vietnamese. For instance, it must be essential to identify the equivalence in ways of expressing inchoation, iteration, ... etc of the verb phrase. To facilate the research, the author has investigated the possible expressions of imparfait into Vietnamese, by means of comparing its expressions in French novels translated into Vietnamese. The objective of the raw research is to make the Vietnamese learners be aware of interesting similarities in temporal expressions between French and Vietnamese as well as to help them to understand more precisely the tenses of verbs in French.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Benveniste. E. *Les relations de Temps dans le verbe francais* dans *Problèmes de linguistique générale I* .Paris: Gallimard – 1966.

[2] Cao Xuân Hạo. *Về ý nghĩa "thì" và "thể" trong tiếng Việt.* Tạp chí ngôn ngữ 5/1998.

[3] Grevisse. M. *Le Bon Usage*. Édition J. Duculot, S.A. ,Gembloux. 1964

[3] Kasevich.V.B., *Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ đại cương.* Trần Ngọc Thêm dịch. Nxb Giáo dục-1998.

[4] Lyons. J, *Nhập môn ngôn ngữ học lý thuyết.* Vương Hữu Lễ dịch. Nxb Giáo dục – 1997.

[5] Nguyễn Minh Thuyết. *Các tiền phó từ chỉ thời thể trong tiếng Việt.* Tạp chí ngôn ngữ 2/1995.

[6] Panfilov V.S. *Grammaticheskij stroj Vjetnamskogo jazyka.* Sankt Peterburg " Peterburgskoje Vostokovedenije".

[7] Wallace L. Chafe, *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ.* Nguyễn Văn Lai dịch. Nxb Giáo dục – 1998

[8] Grammaire Larousse du XX^{e} Siècle. Librairie Larousse – Paris VI^{e} .

[9] Grammaire du Francais. Hachette F.L.E - 1991